TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU PHONG** **TỈNH QUẢNG TRI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày 10-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Trọng và ông Hoàng Đức Bảo.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên toà: ông Lê Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Thanh Đ, sinh năm 2003, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không nghề; bố không xác định; mẹ là Trần Thị T, sinh năm 1967; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 23/02/2021, bị Công an xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị xử phạt vi phạm hành chính 375.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người khác, theo Quyết định số 04/QĐ-XPHC ngày 23/02/2021 của Công an xã T (đã chấp hành quyết định xử phạt).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2024 đến cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Nam Đ1, sinh năm 1992, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: không nghề; con ông Trần Văn K, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1957, đều cư trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vợ: Phan Thị Phương T1, sinh năm 1993; con: có 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2024 đến ngày 07/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh", đến ngày 30/10/2024 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Thiện H, sinh năm 2003, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: thợ sửa xe ô tô; con ông Trần Văn C, sinh năm 1966 và bà Lê Thị Minh T2, sinh năm 1975, đều cư trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2024 đến ngày 07/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh", đến ngày 30/10/2024 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

4. Cao C1, sinh năm 1995, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: không nghề; con ông Cao B, sinh năm 1965 và bà Lê Thị X, sinh năm 1965, đều cư trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2024 đến ngày 07/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh", đến ngày 30/10/2024 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị T, sinh năm 1967; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị - có mặt.

Bà Phan Thị Phương T1, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị - có mặt.

Ông Trần Thanh Đ2, sinh năm 2000; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị - có mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông Bùi Anh S, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị - có mặt.

Ông Lê Văn H1, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 10 giờ ngày 10/6/2024, Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1, Trần Thiện H, Cao C1 cùng Lê Văn H1 và Bùi Anh S (đều trú tại thôn T, xã T, huyện T) ngồi ăn nhậu tại nhà của Trần Thanh Đ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, do nhà hàng xóm mở nhạc hát karaoke gây ồn ào nên Thanh Đ rủ mọi người chuyển về nhà cũ của mình tại thôn T, xã T, huyện T để tiếp tục nhậu. Lúc này, tất cả nghe có người nói "Chơi đi" (nhưng không rõ ai nói), Trần Thanh Đ nghĩ là rủ nhau sử dụng ma túy nên Đ lấy trong người ra số tiền 200.000 đồng để giữa chiếu. Thấy vậy, San tưởng là góp thêm tiền để mua đồ nhậu tiếp nên S bỏ ra 1.000.000 đồng để giữa chiếu và lấy 200.000 đồng của Trần Thanh Đ cất vào người. Sau đó Trần Thanh Đ cầm 1.000.000 đồng và đi ra ngoài dùng số điện thoại 0868.238.204 của mình, liên hệ với một người đàn ông (không rõ lai lịch cụ thể) để hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy loại Ketamine, người này đồng ý và hẹn đến khu vực Trường trung học cơ sở N, thuộc địa phận phường A, thị xã Q để giao. Trần Thanh Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74D1-313.85 (mượn của anh trai là Trần Thanh Đ2, đến điểm hẹn). Tại đây, Trần Thanh Đ đưa 1.000.000 đồng cho người đàn ông và nhận lại số ma túy được cuộn trong giấy vệ sinh rồi điều khiển xe quay về. Khi về đến nhà cũ thì thấy Trần Nam Đ1, H, C1, H1 đang ngồi tại chiếu nhậu, còn S thì đi

ra ngoài vệ sinh. Lúc này Trần Thanh Đ đi xuống bếp lấy một đĩa sứ đưa lên bỏ cùng số ma túy giữa nền nhà rồi xuống phòng bếp sửa điện. Thấy ma túy nên Trần Nam Đ1 lấy một thẻ ATM ra để làm mịn và chia thành các đường nhỏ còn H lấy một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng do Ngân hàng N1 ban hành cùng C1 cuộn tròn, cố định bằng ba vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng thành một ống hình trụ tròn để làm ống hít. Sau khi chuẩn bị dụng cụ xong, Thanh Đ, N, H, C1, H1, S thay phiên nhau sử dụng. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, trong khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Công an xã T kiểm tra, phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đồng thời tạm giữ toàn bộ tang vật, trong đó có chất bột màu trắng.

Tại bản Kết luận giám định số: 704/KL-KTHS ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: Chất bột màu trắng dạng tinh thể được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT1 gửi đến giám định là ma túy loại Ketamine, có khối lượng mẫu là 0,2134 gam. Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, số thứ tự 40 theo quy định tại Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Cáo trạng số 40/CT-VKSTP ngày 30/10/2024, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị truy tố Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1, Trần Thiện H và Cao C1 về tội: "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1, Trần Thiện H và Cao C1 phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".* Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng các bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1 và Trần Thiện H áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt: bị cáo Trần Thanh Đ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/6/2024; xử phạt các bị cáo Trần Nam Đ1, Trần Thiện H và Cao C1 mỗi bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù của cả ba bị cáo được tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2024 đến ngày 07/10/2024; về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: một túi niêm phong, ký hiệu mã số QTS MT399-CATP bên trong chứa chất bột màu trắng dạng tinh thể có khối lượng 0,1983g là ma túy loại Ketamine, cùng bao gói sau giám; 01 thùng giấy màu vàng, ký hiệu ĐV2, kích thước (25x29x9,5)cm, được dán kín các mép hở bằng các mảnh giấy màu trắng có chữ ký của những người tham gia niêm phong và đóng dấu giáp lai của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T (Bên trong có chứa 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng; 01 dĩa sứ màu trắng, bên trong có nhiều họa tiết; 01 thẻ nhựa ATM A1, mặt sau màu đen, mặt trước màu xanh có dãy số "9704050848097338" tên Phan Thị Phương T1); tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: một điện thoại di động màu đen, mặt sau có chữ "Iphone", số máy MNCE2J/A, số sê ri: F71W55RFHG7X, số IMEI: 355337082364966, gắn thẻ sim số 0868238204 của bị cáo Trần Thanh Đ; 01 tờ tiền polime mệnh Giá 50.000 đồng do Ngân hàng N1 phát hành; về án phí: buộc các bị cáo

Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1, Trần Thiện H, Cao C1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa bà Trần Thị T thừa nhận ngôi nhà mà các bị cáo dùng để sử dụng ma túy là nhà của bà đang quản lý, sử dụng. Khi các bị cáo dùng ngôi nhà để sử dụng ma túy thì bà T hoàn toàn không biết.

Đối với bà Phan Thị Phương T1: bà T1 thừa nhận thẻ ATM A1 mà các bị cáo dùng để làm phương tiện sử dụng ma túy là của bà T1. Hiện tại thẻ này đã hết hạn sử dụng nên bà T1 đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với ông Trần Thanh Đ2: ông Đ2 thừa nhận ông là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 74D1-313.85. Trong thời gian ông Đ2 đi làm ăn thì để lại xe cho mẹ mình là bà Trần Thị T để làm phương tiện đi lại. Bị cáo Đ1 sử dụng chiếc xe này để đi mua ma túy thì bà T và ông Đ2 hoàn toàn không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 10/6/2024, tại nhà Trần Thanh Đ thuộc thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, Tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Công an xã Triệu Thượng phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1, Cao C1, Trần Thiện H, Lê Văn H1, Bùi Anh S về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất Ma túy. Quá trình điều tra xác định: khoảng 10 giờ ngày 10/6/2024, Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1, Trần Thiện H, Cao C1, Lê Văn H1 và Bùi Anh S ngồi ăn nhậu tại nhà của Trần Thanh Đ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, do nhà hàng xóm mở nhạc hát karaoke gây ồn ào nên Thanh Đ rủ mọi người chuyển về nhà cũ của mình ở gần đó để tiếp tục nhậu. Lúc này, trong nhóm có người nói "Chơi đi" nhưng không rõ ai nói, khi nghe vậy, Trần Thanh Đ nghĩ là rủ nhau sử dụng ma túy nên Đ lấy trong người ra số tiền 200.000 đồng để giữa chiếu. Thấy vậy, San tưởng là góp thêm tiền để mua đồ nhậu tiếp nên lấy ra 1.000.000 đồng để giữa chiếu và lấy 200.000 đồng của Trần Thanh Đ cất vào người. Sau đó, Trần Thanh Đ cầm 1.000.000 đồng và đi ra ngoài dùng số điện thoại 0868.238.204 của mình tự liên hệ để mua 1.000.000 đồng ma túy loại Ketamine. Sau khi Trần Thanh Đ đi mua ma túy về đến nhà cũ thì thấy Trần Nam Đ1, H, C1, H1, đã soạn sẵn đồ ngồi nhậu giữa nhà, còn S thì đi ra ngoài vệ sinh. Lúc này Trần Thanh Đ đi xuống bếp lấy một dĩa sứ đưa lên bỏ cùng số ma túy giữa nền nhà rồi xuống phòng bếp sửa điện. Thấy ma túy ở giữa chiếu nên Trần

Nam Đ1 lấy một thẻ ATM ra để làm mịn và chia thành các đường nhỏ còn H lấy một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng do Ngân hàng N1 ban hành cùng C1 cuộn tròn, cố định bằng ba vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng thành một ống hình trụ tròn để làm ống hít, khi chuẩn bị dụng cụ xong thì S đi vào. Lúc này Trần Thanh Đ, N, H, C1, H1, S thay phiên nhau sử dụng. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, trong khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Công an xã T kiểm tra, phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đồng thời tạm giữ toàn bộ tang vật, trong đó có chất bột màu trắng. Tại bản Kết luận giám định số: 704/KL-KTHS ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: Chất bột màu trắng dạng tinh thể được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT1 gửi đến giám định là ma túy loại Ketamine, có khối lượng mẫu là 0,2134 gam. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định: ngày 10/6/2024, tại nhà Trần Thanh Đ ở thôn T, xã T, huyện T, các bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1, Trần Thiện H và Cao C1 đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất Ma túy và đã có đủ yếu tố cấu thành tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất Ma túy*" với tình tiết định khung tăng nặng là *"Đối với 02 người trở lên"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và quá trình nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1, Trần Thiện H và Cao C1 đều biết rõ tác hại của Ma túy và việc tổ chức sử dụng trái phép chất Ma túy là vi phạm pháp luật về hình sự nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém mà dẫn đến phạm tội. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất Ma túy nói trên của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất Ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Đây là vụ án mang tính đồng phạm nên cần xem xét vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án để có mức hình phạt tương xứng vơi hành vi của mỗi bị cáo trong vụ án. Xét vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy: bị cáo Trần Thanh Đ là người có vai trò tích cực được thể hiện như: góp tiền, liên hệ và trực tiếp đi mua ma túy về để cả nhóm cùng sử dụng. Bị cáo Trần Thanh Đ là người có nhân thân xấu, ngày 23/02/2021, bị Công an xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị xử phạt vi phạm hành chính là 375.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người khác, theo quyết định số 04/QĐ-XPHC ngày 23/02/2021 của Công an xã T. Do đó, khi xem xét quyết định hình phạt thì xử phạt bị cáo Trần Thanh Đ mức án cao hơn các bị cáo khác là phù hợp với tính chất vai trò của bị cáo trong vụ án. Đối với các bị cáo Trần Nam Đ1, Trần Thiện H và Cao C1 các bị cáo đều là người chuẩn bị các dụng cụ để sử dụng ma túy nên các bị cáo này có vai trò như nhau, khi xem xét quyết định hình phạt thì xử phạt các bị cáo này với mức án ngang nhau là phù hợp. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an ninh tại địa bàn xã T nói riêng và huyện T nói chung. Vì vậy, cần phải xét xử các bị cáo một cách nghiêm khắc và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm đang có chiều hướng gia tăng trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, khi xem xét quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng điểm s khoản

1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách hình sự cho các bị cáo vì: quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đều tỏ thái độ thần khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, các bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1 và Cao C1 đã tham gia và hoàn thành nghĩa quân sự nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quyết định tạm giam số 14/2024/HSST-QĐTG ngày 30/10/2024, của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong đối với bị cáo Trần Thanh Đức T3 đến ngày án có hiệu lực pháp luật không đủ 45 ngày nên Hội đồng xét xử tiếp tục ra quyết định tạm giam đối với bị cáo Trần Thanh Đ với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày xét xử để đảm bảo công tác thi hành án phạt tù.

Bị cáo Trần Nam Đ1 đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 44/2024/LCĐKNCT-TA ngày 30/10/2024; bị cáo Trần Thiện H đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 45/2024/LCĐKNCT-TA ngày 30/10/2024; bị cáo Cao C1 đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 46/2024/LCĐKNCT-TA ngày 30/410/2024 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong nhưng bị phạt tù và tính đến ngày án có hiệu lực pháp luật không đủ 45 ngày nên Hội đồng xét xử tiếp tục ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày xét xử để đảm bảo công tác thi hành án phạt tù.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Trần Thanh Đ, sau khi nhận được ma túy, Thanh Đ đã xóa số điện thoại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xác định được nhân thân lai lịch, vì vậy không có cơ sở xử lý, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Bùi Anh S và Lê Văn H1 là những người cùng sử dụng trái phép chất ma túy với các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

[4] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bà Trần Thị T là mẹ của Trần Thanh Đ, là chủ nhà nơi các bị cáo dùng làm địa điểm sử dụng ma túy. Quá trình điều tra, xác định đây là ngôi nhà cũ của bà thủy nhưng khi các bị cáo dùng làm địa điểm để sử dụng ma túy thì bà T không biết nên không có căn cứ để xử lý.Đối với bà Phan Thị Phương T1 là người đã cho Trần Nam Đ1 mượn thẻ ATM số 9704050848097338 mang tên Phan Thị Phương T1, tuy nhiên bà T1 không biết Trần Nam Đ1 sử dụng để làm dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy. Hiện tại thẻ ATM này hết hạn sử dụng nên bà T1 đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.Đối với ông Trần Thanh Đ2 là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE, biển kiểm soát 74D1-313.85. Khi đi làm ăn thì ông Đ2 để xe ở nhà, việc bị cáo Trần Thanh Đ là anh ruột của ông Đ2 sử dụng xe để đi mua ma túy thì Đ2 không biết. Quá trình điều tra Công an đã trả lại xe cho ông Đ2, nay ông Đ2 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: trong quá trình điều tra cơ quan Công an đã thu giữ các vật chứng chuyển giao theo hồ sơ vụ án cụ thể như sau: 01 túi niêm phong, ký hiệu mã số QTS MT399-CATP bên trong chứa chất bột màu trắng dạng tinh thể có khối lượng

0,1983g là ma túy loại Ketamine, cùng bao gói hoàn lại sau giám định (Theo kết luận giám định số 704/KL-KTHS ngày 17/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Q); 01 thùng giấy màu vàng, ký hiệu ĐV2, kích thước (25x29x9,5)cm, được dán kín các mép hở bằng các mảnh giấy màu trắng có chữ ký của những người tham gia niêm phong và đóng dấu giáp lai của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T (Bên trong có chứa 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng; 01 dĩa sứ màu trắng, bên trong có nhiều họa tiết, kích thước (26x18,5x2,2)cm; 01 thẻ nhựa ATM A1, mặt sau màu đen, mặt trước màu xanh có dãy số "9704050848097338" tên Phan Thị Phương T1; 01 điện thoại di động màu đen, mặt sau có chữ "Iphone", số máy MNCE2J/A, số sê ri: F71W55RFHG7X, số IMEI: 355337082364966, gắn thẻ sim số 0868238204, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong và 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng do Ngân hàng N1 phát hành. Hội đồng xét xử xét thấy: đối với 01 túi niêm phong, ký hiệu mã số QTS MT399-CATP bên trong chứa chất bột màu trắng dạng tinh thể có khối lượng 0,1983g là ma túy loại Ketamine, cùng bao gói hoàn lại sau giám định; 01 thùng giấy màu vàng, ký hiệu ĐV2, kích thước (25x29x9,5)cm, được dán kín các mép hở bằng các mảnh giấy màu trắng có chữ ký của những người tham gia niêm phong và đóng dấu giáp lai của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Đây là vật cấm tàng trữ và không còn giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy; Đối với một thẻ ATM A1, mang tên Phan Thị Phương T1, đây là thẻ ATM của bà T1 nhưng hiện tại thẻ đã hết hạn sử dụng nên bà T1 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 điện thoại di động của bị cáo Trần Thanh Đ và một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng của bị cáo Trần Thiện H thì xét thấy: đây là công cụ, phương tiện phạm tội, nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1, Trần Thiện H, Cao C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1, Trần Thiện H, Cao C1 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất Ma túy"* .

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1 và Trần Thiện H áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Trần Thanh Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/6/2024.

Các bị cáo: Trần Nam Đ1, Trần Thiện H, Cao C1 mỗi bị cáo 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù của cả ba bị cáo tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2024 đến ngày 07/10/2024.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi niêm phong, ký hiệu mã số QTS MT399-CATP bên trong chứa chất bột màu trắng dạng tinh thể có khối lượng 0,1983g là ma túy loại Ketamine, cùng bao gói hoàn lại sau giám định (Theo Kết luận giám định số 704/KL-KTHS ngày 17/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Q); 01 thùng giấy màu vàng, ký hiệu ĐV2, kích thước (25x29x9,5)cm, được dán kín các mép hở bằng các mảnh giấy màu trắng có chữ ký của những người tham gia niêm phong và đóng dấu giáp lai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T (Bên trong có chứa 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng; 01 dĩa sứ màu trắng, bên trong có nhiều họa tiết, kích thước (26x18,5x2,2)cm; 01 thẻ nhựa ATM A1, mặt sau màu đen, mặt trước màu xanh có dãy số "9704050848097338" tên Phan Thị Phương T1).

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động màu đen, mặt sau có chữ "Iphone", số máy MNCE2J/A, số sê ri: F71W55RFHG7X, IMEI: 355337082364966, gắn thẻ sim số 0868238204 của bị cáo Trần Thanh Đ và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng của bị cáo Trần Thiện H.

(Đặc điểm của các vật chứng này được thể hiện theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 11/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong. Riêng tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng hiện đang gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện T theo biên bản giao nhận tài sản số 08/2024/BBGN-KBTP ngày 15/8/2024 giữa Công an huyện T với Kho bạc Nhà nước huyện T. Khi án có hiệu lực pháp luật, Công an huyện T có trách nhiệm làm thủ tục để chuyển giao số tiền này cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong để nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật).

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Trần Thanh Đ, Trần Nam Đ1, Trần Thiện H, Cao C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án trên một cấp để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Công an huyện Triệu Phong;
- Sở Tư pháp;
- Những người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Xuân Hải